

Bản án số: 10/2025/HS-ST

Ngày: 21-01-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Đoàn Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 217/2024/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 08/01/2025 đối với bị cáo họ và tên:

Nguyễn Ngọc K, tên gọi khác: /; giới tính: N, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số B đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Tài xế G; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1965; Có vợ tên Nguyễn Thị Kim T1 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 142/2019/HSST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, chấp hành án phí hình sự sơ thẩm ngày 16/12/2019, chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 18/01/2021; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1995; địa chỉ: Căn hộ U Chung cư Q, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số G đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/8/2024, Nguyễn Ngọc K chạy xe công nghệ G, biển số 59U1-719.51, chở khách đèn C, địa chỉ số D đường Đ, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trả khách xong, K dừng xe ở đường N1 nghỉ ngơi.

Trong lúc nghỉ ngơi, K nhìn thấy xe ô tô hiệu Vinfast Lux A2.0 màu trắng, biển số 88A-559.86 của anh Bùi Văn N1, đang để cạnh xe mô tô của K, không đóng cửa kính. K đi đến chồm nửa người vào trong xe, lấy trộm 01 ví da hiệu Pedro màu đen, bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi rời đi. Khương tiếp tục nhận chở khách đến đường L, Quận A. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 25/8/2024, khi hoàn tất việc chở khách, K kiểm tra bên trong ví có 01 thẻ visa Ngân hàng TMCP V (V1) và 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn N1. K điều khiển xe đến Ngân hàng TMCP V (V1) địa chỉ số A N, Phường I, Quận E rút tiền trong thẻ ngân hàng. Khương nhập thử mật khẩu là năm sinh của anh N1 (mật khẩu 1995), thực hiện rút tiền từ tài khoản thẻ ngân hàng của anh N1 03 lần liên tiếp, mỗi lần rút 20.000.000 đồng. Tổng cộng K rút được số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, K mang về cất giấu tại nhà địa chỉ số B đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ví da và thẻ căn cước công dân của anh N1, K vứt bỏ ở bãi đất trống bên hông chung cư D, trên đường V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị mất tài sản, anh Bùi Văn N1 đến Công an phường P, Quận G trình báo sự việc. Công an phường P đã tiến hành mời Nguyễn Ngọc K về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Ngọc K khai nhận hành vi phạm tội.

Theo kết luận định giá tài sản số 319/KL-HĐĐGTTTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận G1: 01 (một) ví da hiệu Pedro, màu đen, đã qua sử dụng: có giá trị 399.000 đồng (BL 84).

* Vật chứng thu giữ:

- Số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng);
- 01 (một) căn cước công dân số 026095000395, tên Bùi Văn N1, ngày sinh 22/03/1995, nơi thường trú: TDP T, T, B, Vĩnh Phúc, cấp ngày 09/03/2023 do Cục C1 về TTXH cấp;
- 01 (một) thẻ Ngân hàng TMCP V (V1) số 5213778874311381, tên BUI VAN NGOC;
- 01 (một) ví da, màu đen, có chữ "PEDRO", đã qua sử dụng.
- 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng;
- 01 (một) áo khoác, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng;
- 01 (một) quần Jean dài, sáng màu, đã qua sử dụng;
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số 59U1- 719.51, số khung 4612EZ101554, số máy JF46E6026875, đã qua sử dụng. Xác minh chủ sở hữu phương tiện giao thông là bà Nguyễn Thu T (mẹ bị cáo K), sinh năm 1965, địa chỉ số G đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T trình bày: xe mô tô trên bà mua vào năm 2016 và đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2022, con bà là Nguyễn Ngọc K không có việc làm, nên bà T đã cho K mượn xe mô tô để làm phương tiện chạy xe công nghệ. Việc K sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà T hoàn toàn không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại xe mô tô Honda AirBlade, màu đen, biển số 59U1-719.51 cho bà Nguyễn Thu T (BL 88)

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại số tiền 60.000.000 đồng, 01 căn cước công dân số 026095000395, tên Bùi Văn N1, 01 thẻ Ngân hàng TMCP V (V1) số

5213778874311381, tên BUI VAN NGOC và 01 ví da hiệu Pedro màu đen cho anh Bùi Văn N1 (BL 93);

Số vật chứng còn lại đã nhập kho vật chứng theo quy định của pháp luật (BL 86).

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn N1 đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì khác; đồng thời, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Ngọc K (BL 94-96).

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSQ7 ngày 12/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì, bị cáo biết lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo Khoản 5 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Về vật chứng thu giữ:

- Số tiền 60.000.000 đồng, 01 căn cước công dân số 026095000395, tên Bùi Văn N1, 01 thẻ Ngân hàng TMCP V (V1) số 5213778874311381, tên BUI VAN NGOC và 01 ví da hiệu Pedro màu đen. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho anh Bùi Văn N1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 2225/QĐ-CQĐT (HS) ngày 10/9/2024 nên đề nghị không xét

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số 59U1- 719.51, số khung 4612EZ101554, số máy JF46E6026875, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho bà Nguyễn Thu T theo Quyết định xử lý vật chứng số 2226/QĐ-CQĐT (HS) ngày 10/9/2024 nên đề nghị không xét

- 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng; 01 (một) quần Jean dài, sáng màu, đã qua sử dụng. Tất cả thu giữ của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không có yêu cầu nhận lại tài sản, do không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Bùi Văn N1 đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì khác; đồng thời, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 25/8/2024 tại trước chung cư R địa chỉ số D đường Đ, phường P, Quận G, bị cáo Nguyễn Ngọc K lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 ví da của bị hại ông Bùi Văn N1. Trong ví da có 01 thẻ visa Ngân hàng TMCP V (V1) và 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn N1. Bị cáo K sử dụng thẻ visa ngân hàng của ông N1 rút tiền tại trụ ATM của Ngân hàng TMCP V (V1), chiếm đoạt số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Hành vi trên đây của bị cáo đã cấu thành tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi lén lút trộm cắp 01 ví da của anh N1. Theo kết luận định giá tài sản số 319/KL-HĐĐGTTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận G1: "01 (một) ví da hiệu Pedro, màu đen, đã qua sử dụng: có giá trị 399.000 đồng", do chưa đủ định lượng cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả và bị cáo được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Bùi Văn N1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xét. Ngoài ra, ông N1 có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, 01 (một) căn cước công dân số 026095000395, tên Bùi Văn N1, 01 (một) thẻ Ngân hàng TMCP V (V1) số 5213778874311381, tên BUI VAN NGOC và 01 (một) ví da hiệu Pedro màu đen. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho ông Bùi Văn N1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 2225/QĐ-CQĐT (HS) ngày 10/9/2024 nên không xét;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số 59U1- 719.51, số khung 4612EZ101554, số máy JF46E6026875, đã qua sử dụng. Qua xác minh, chủ sở hữu phương tiện giao thông là bà Nguyễn Thu T (mẹ bị cáo K), sinh năm 1965. Bà T khai: xe mô tô trên bà mua vào năm 2016 và đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2022, con bà là bị cáo Nguyễn Ngọc K không có việc làm, nên bà đã cho K mượn xe mô tô để làm phương tiện chạy xe công nghệ. Việc K sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà hoàn toàn không biết. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho bà Nguyễn Thu T theo Quyết định xử lý vật chứng số 2226/QĐ-CQĐT (HS) ngày 10/9/2024 nên không xét;

- 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng và 01 (một) quần Jean dài, sáng màu, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai đây là trang phục sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không yêu cầu nhận lại, do không còn giá trị sử dụng nên xét tịch thu tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc K phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc K 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác, màu xanh, có chữ G, đã qua sử dụng và 01 (một) quần Jean dài, sáng màu, đã qua sử dụng. (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 039 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Lê Phương T2